

Số: 10/2021/QĐST-DS

Bắc Kạn, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T** - Sinh năm 1960

Trú tại: tiểu khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1961

Bà **Hoàng Thị T1** – Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Vy Văn Đ** – sinh năm 1959; Trú tại: tiểu khu 4, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T.

3.2. Ông **Nông Văn H** – 1969; Trú tại: tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn – Đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T1.

3.3. Bà **Phan Thị T2** - sinh năm 1963; Trú tại: tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

3.4. Chị **Hoàng Thị N** – sinh năm 1985; Trú tại: thôn Pác Nghè, xã Địa Linh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

3.5. Chị Hoàng Thị T3 – sinh năm 1987; Trú tại: tiểu khu 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Bà T2, chị N, chị T3 đều ủy quyền cho ông Hoàng Văn T tham gia tố tụng.

3.5. UBND huyện B – Người đại diện theo ủy quyền bà Đặng Thị Anh T4 – Trưởng phòng TN&MT huyện B.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* ông Hà Trung T2 – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bắc Kạn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Vy Văn Đ có quyền sử dụng đối với phần diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là 448,7m² được giới hạn bởi các mốc 5,7,6,8,9,10,11,5 trừ đi 92,8m² được giới hạn bởi các mốc 8,9,10,11,8 đã bị thu hồi làm đường 258.

Công nhận bà T ông Đ có quyền sử dụng đối với diện tích đất 27,5m² được giới hạn từ điểm 10,10a,11b, 24a, 24,11,10, trừ đi 11,9m² từ điểm 10,10a, 11b, 11 đã bị thu hồi làm đường 258.

- Bà Hoàng Thị T1 được tiếp tục sử dụng đối với phần diện tích đất được giới hạn từ các điểm 10a, 10b, 25, 4, 5, 24, 24a, 10a, 10b trừ đi 76,0m² được giới hạn từ điểm 10,10b,13,11b,10a đã bị thu hồi làm đường 258.

- Ông Hoàng Văn T được tiếp tục sử dụng đối với phần diện tích đất được giới hạn từ các điểm 10b,1, 2, 3, 4, 25, 10b, 1 trừ đi 111,0m² được giới hạn từ điểm 10b, 1,15,14,13,10b,1 đã bị thu hồi làm đường 258.

- Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm điều chỉnh diện tích và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 22/GCN – RĐ ngày 18/01/2002 của UBND huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị T đúng quy định; chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881179 ngày 20/12/2000 của hộ ông Hoàng Văn T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 707894 ngày 29/11/2019 của UBND huyện B cấp cho hộ bà Hoàng Thị T1 và ông Nông Văn H đúng theo sự thỏa thuận của các bên đương sự như trên.

(Có sơ đồ trích đo diện tích đất tranh chấp và tọa độ các mốc kèm theo).

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*). Ghi nhận thỏa thuận cụ thể như sau:

+ Nguyên đơn tự nguyện chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.650.000đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp, xác nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

+ Bị đơn ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 tự nguyện chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.650.000đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó: ông Hoàng Văn T tự nguyện chịu 1.825.000đ (*Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) và bà Hoàng Thị T1 tự nguyện chịu 1.825.000đ (*Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng nên bị đơn ông T và bà T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 3.650.000đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bị đơn ông T và bà T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị T thì việc thi hành án khoản tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 02052 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Bà T được trả lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Hoàng Văn T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 03754 ngày 12/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Bà Hoàng Thị T1 được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 03755 ngày 12/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Cục THA DS tỉnh BK;
- Chi cục THADS h. B
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Đàm Thị Minh Hương